

Bản án số: 05 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 7 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Vũ Quang Chung
- **Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Văn Khuyến và bà Hà Thị Quế.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: bà Giang Thị Mến, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư tham gia phiên
toà:** bà Vũ Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án xét xử công khai, sơ thẩm vụ
án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/4/2020, về việc:
Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số:06/2020/QĐXX, ngày 24/6/2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐ-
TA, ngày 08/7/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1990.

Trú tại: đường T, phố P, phường P, thành Phố N, tỉnh Ninh Bình

***Bị đơn:** anh Phạm Xuân T, sinh năm 1982.

Trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

***Người làm chứng:** Ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị B.

Đều trú tại: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Y; vắng mặt anh T, ông T, bà B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Chị và anh Phạm Xuân T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn
tại UBND xã Ninh Mỹ ngày 21 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị về
sống cùng với gia đình anh T tại thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Anh chị

sống hòa thuận cho đến năm 2017, thì giữa vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi chửi nhau, nguyên nhân chính dẫn đến việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do kinh tế, thời điểm đó chị làm ăn thua lỗ, bản thân anh T thì không có công việc ổn định nên kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2019 khi anh chị đi làm ăn xa, anh T đi làm trên Hà Nội, còn chị đi làm ngoài Hải Phòng thì mâu thuẫn anh chị trở nên trầm trọng hơn. Do anh T không tin tưởng chị, anh Toàn thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình nên không cho chị đi làm. Chị đã giải thích nhiều lần nhưng anh T không nghe, ngược lại còn thường xuyên chửi bới, đe dọa tinh thần chị. Trước đây khi vợ chồng còn hòa hợp thì anh chị đi làm nhưng cuối tuần hoặc khi nào được nghỉ là anh chị về nhà anh T ở thôn T, xã N ở và thăm con. Nhưng từ khi vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tết âm lịch năm 2019, khi vợ chồng về nhà ăn tết nhưng lại mâu thuẫn bất hòa, anh chị cãi nhau nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở đường T, phố P, phường P, thành Phố N, tỉnh Ninh Bình sinh sống cho đến nay, chị chỉ thỉnh thoảng về thăm con. Anh chị ly thân đến nay đã hơn một năm không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Xuân T.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 05/12/2016. Hiện hai cháu đang ở với ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị B là bố mẹ đẻ anh T. Tại đơn khởi kiện chị có đề nghị Tòa án cho chị được nuôi một trong hai cháu. Tuy nhiên, hiện nay do điều kiện công việc và chỗ ở của chị chưa ổn định nên việc nuôi con sẽ khó khăn, mặt khác anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu (anh T không có lời khai tại tòa án nhưng anh thường gọi điện cho chị và nói ly hôn cũng được nhưng phải để cả hai con cho anh nuôi), thực tế hai cháu từ nhỏ đến giờ đều do bố mẹ anh T chăm sóc, anh chị đi làm có gửi tiền về cho ông bà nuôi các cháu. Nếu anh T nuôi các cháu thì bố mẹ anh T sẽ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các cháu, vì vậy chị đề nghị anh T nuôi dưỡng hai cháu, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 2.500.000đồng.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: anh Phạm Xuân T mặc dù đã nhận được thông báo thu lý vụ án, yêu cầu giao nộp và cung cấp chứng cứ cũng như giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh T lên Tòa án để làm việc nhưng anh T không lên Tòa án làm việc và cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T và chị Y sinh sống.

Tại biên bản xác minh ngày 04/6/2020, ông Phạm Thanh H - Trưởng thôn T cung cấp: Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị Hải Y kết hôn và về sống cùng với gia đình ông Phạm Xuân T, bà Phạm Thị B tại thôn T. Mặc dù vậy, ông rất ít khi gặp chị Y, anh T vì anh chị thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về

thăm con, nên chị Y, anh T có mâu thuẫn gì cụ thể ra sao ông không nắm được, anh chị cũng chưa từng có đơn đề nghị địa phương hòa giải. Ông là trưởng thôn lại ở gần nhà anh T, nhưng lâu nay ông chỉ thấy anh T về nhà còn chị Y đã lâu ông không gặp, không thấy chị Y về. Anh T, chị Y có hai người con chung từ trước đến nay các cháu ở với vợ chồng ông T, bà B là ông bà nội. Nay chị Y xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/5/2020, biên bản làm việc ngày 04/6/2020 và ngày 12/6/2020, ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị B là bố mẹ đẻ anh T cung cấp. Năm 2013 anh Phạm Xuân T con trai ông bà kết hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y, sau đó anh chị về sống với vợ chồng ông bà, tại thôn T. Anh chị sống hòa thuận bình thường cho đến vài năm trở lại đây thì vợ chồng anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh chị không tin tưởng nhau, thường ghen tuông nghi ngờ lẫn nhau. Nhất là hai năm trở lại đây khi anh T đi làm lái xe trên Hà Nội còn chị Y đi làm nhà hàng ngoài Hải phòng thì anh chị mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Trước đây khi anh chị đi làm có thời gian nghỉ là anh chị về nhà, thăm con. Nhưng tết âm lịch năm 2019 khi chị Y anh T về nhà ăn tết, lại xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thành phố N sinh sống, thỉnh thoảng chị Y có về thăm con rồi lại về nhà mẹ đẻ ở dưới thành phố. Khi nhận được các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, ông bà cũng đã gửi hoặc thông báo cho anh T biết việc Tòa án triệu tập, ông bà cũng có hỏi anh T về việc chị Y xin ly hôn, anh T nói chị Y muốn ly hôn thì tự làm, anh không lên Tòa án để làm việc. Anh T, chị Y có hai con chung hiện đang ở với ông bà. Từ khi chị Y sinh con việc chăm sóc con chung của chị Y, anh T do ông bà chăm sóc, chị Y, anh T chỉ gửi tiền về cho ông bà, có dịp nghỉ thì anh chị về thăm con. Anh T mặc dù không lên Tòa án để giải quyết nhưng anh T luôn có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Các cháu do ông bà chăm sóc từ bé, ông bà cũng rất thương yêu các cháu nên ông bà cũng đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh T nuôi dưỡng, nếu được như vậy thì ông bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Về tài sản công nợ chung chị Y, anh T không có.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không lên Tòa án làm việc không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 19, Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 các Điều

227,228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải Y. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Phạm Xuân T.

Về con chung: Giao hai cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 05/12/2016, cho anh Phạm Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hải Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi cháu, mỗi tháng 1.250.000đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Hải Y phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Nguyễn Thị Hải Y xin ly hôn anh Phạm Xuân T, địa chỉ: thôn T, xã N, huyện H, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư. Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Xuân T không lên Tòa án để làm việc theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Ngày 10/6/2020 Tòa án có thông báo, triệu tập anh Toàn, chị Y để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không có mặt và không cung cấp địa chỉ nơi anh đang làm việc, thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, đồng thời chị Y có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nữa. Do đó Tòa án xác định vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 08/7/2020, anh Phạm Xuân T mặc dù đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Xuân T là bị đơn không lên Tòa án để giải quyết, cũng không có ý kiến quan điểm gì giao nộp cho Tòa án. Căn cứ vào lời khai, lời trình bày của chị Y và các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập cho thấy. Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị Hải Y kết hôn là do anh chị tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình ngày 21/11/2013, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi kết hôn anh T chị Y có thời gian chung sống hoàn thuận, hạnh phúc. Đến khoảng từ năm 2017 trở lại đây thì giữa vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là kinh tế khó khăn, Mặt khác, do điều kiện công việc anh chị thường xuyên đi làm ăn xa nhà, nhưng lại không tin tưởng nhau, thường xuyên nghi ngờ ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị lại không tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn mà đổ lỗi cho nhau. Đỉnh điểm là tết âm lịch năm 2019, khi về nhà ăn tết, giữa hai anh chị đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau làm ảnh hưởng đến cả gia đình, cũng từ đó anh chị sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, anh T thường xuyên gọi điện chửi bới đe dọa tinh thần chị Y, việc anh T, chị Y sống chung không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau như chị Y trình bày là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian cũng như cố gắng để hòa giải cho anh chị nhưng bản thân anh T không lên Tòa án để tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Việc anh T không lên Tòa án giải quyết chỉ nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Xét mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Phạm Xuân T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hải Y về việc xin ly hôn anh Phạm Xuân T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Y trình bày chị và anh T có hai con chung là cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 05/12/2016. Hiện hai cháu đang ở với bố mẹ anh T. Chị Y đề nghị do điều kiện công việc và chỗ ở chưa ổn định nên việc chị nuôi con sẽ gặp khó khăn và không đảm bảo cuộc sống của các cháu. Mặt khác, anh T luôn yêu cầu chị để cả hai con cho anh nuôi dưỡng và trên thực tế thì các con anh chị từ trước đến nay đều do bố mẹ anh T là ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị B trông nom, chăm sóc, anh chị chỉ có giữ tiền về cho ông bà nuôi con. Qua xác minh ông T, bà B cũng nhận trách nhiệm hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nếu Tòa án giao hai con của chị Y, anh T cho anh T nuôi dưỡng. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Y là phù hợp với pháp luật và thực tế. Giao hai cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 05/12/2016 cho anh Phạm Xuân T trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, chị Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi cháu, mỗi tháng 1.250.0000 (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: chị Y xác định anh chị không có tài sản công nợ gì chung không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Chị Nguyễn Thị Hải Y phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo. Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 19, Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/20216/UBTVQH14 ngày 30/12/20216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải Y.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Phạm Xuân T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Phạm Bảo N, sinh ngày 14/4/2014 và cháu Phạm Tuấn H, sinh ngày 05/12/2016 cho anh Phạm Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng, chị Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi cháu, mỗi tháng 1.250.0000 (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Hải Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Phạm Xuân T. Khi cần thiết anh Toàn, chị Y có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hải Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/01111 ngày 24/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị Y còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai, sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1)
- VKSND huyện Hoa Lư (2);
- CCTHADS huyện Hoa Lư (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Quang Chung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Mỹ;
- THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Chung